

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/HSST

Ngày: 20-7-2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Đồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Thanh Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2017/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/HSST-QĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. *Họ và tên:* Mu S (tên gọi khác là B), sinh năm 1986, tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Chăm; con ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1958 và bà Mohamet Aly Thị S, sinh năm 1959; vợ tên Huỳnh Thị D, sinh năm 1983; bị cáo có 01 con tên Trương Thị Sa Thanh T, sinh năm 2005; tiền án: có 01 tiền án tại Bản án số 111/2006/HSST ngày 05/4/2006 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp tài sản”; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 08/6/2016, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 214/QĐ-CSĐT và khởi tố bị can theo Quyết định số 351/QĐ-CSĐT. Ngày 22/02/2017 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bình Phước khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 22 và Quyết định khởi tố bị can số 41 ngày 22/02/2017; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/12/2016 đến ngày 05/12/2016 được trả tự do và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Bình Phước; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. *Họ và tên*: Lê Văn P (tên gọi khác là R), sinh năm 1983, tại: Tây Ninh; hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Mua bán ve chai; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; con ông Lê Văn B, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1956; có vợ tên Võ Thị O, sinh năm 1987; bị cáo có 03 con ruột, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/4/2017 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bình Phước khởi tố về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 43 và Quyết định khởi tố bị can số 69; bị cáo tại ngoại; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1971; hộ khẩu thường trú: Ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3. Bà Hồ Thị L1, sinh năm 1962; hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mu S là đối tượng hay sống lang thang, không nghề nghiệp và nghiện ma túy. Mu S thường tìm xe mô tô người dân để sơ hở không cảnh giác trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng. Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 11 năm 2016 đến ngày 02/12/2016, Mu S đã thực hiện hành vi trộm cắp được 03 xe mô tô, sau đó mang đến vừa ve chai do Lê Văn P làm chủ tại ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương để bán và cầm cố xe mô tô trộm cắp lấy tiền tiêu xài và sử dụng ma túy, cụ thể như sau:

- Khoảng giữa tháng 11/2016, Mu S lấy trộm được 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đen, biển số 93H6 - 3360, số khung 008518, số máy 008518 tại lô cao su 1-2009 thuộc ấp 3A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước của ông Hồ Văn N, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Sau khi lấy xe mô tô này, Mu S điều khiển đến vừa ve chai của P và bán cho P với giá 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng). Khi mua xe, P hỏi giấy tờ xe, Mu S nói “xe cạo mủ làm gì có”. Thấy xe đã cũ, dính nhiều mủ cao su nên P tin là xe của Mu S nên đồng ý mua với giá 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng).

- Khoảng 11 giờ ngày 01/12/2016, Mu S lấy trộm xe mô tô hiệu Dream, màu đỏ, biển số 53V1 – 0723, số máy 1400249 tại lô cao su 02-2009 thuộc: Ấp

3A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước của bà Lê Thị H, sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú: Ấp 3A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Sau đó Mu S mang xe mô tô này đến vừa ve chai của P bán. P hỏi lý do bán xe, Mu S nói “Cần tiền cho vợ lấy cá ở chợ nên bán xe”. P hỏi giấy tờ xe, Mu S nói “Vợ đốt hết rồi”. Lúc này, P nghi ngờ xe mô tô này là tài sản mà Mu S trộm cắp của người khác đem bán nên không đồng ý mua. Nhưng do Mu S nói “Không mua thì cho em thế, chiều em chuộc” (“thế” tức là “cầm cố”). Lúc này, P tin là xe của gia đình Mu S, không nghi ngờ xe mô tô trên là tài sản trộm cắp, nên P đồng ý cầm xe mô tô Dream, biển số 53V1-0723 với giá 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng).

- Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 02/12/2016, bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1988; trú tại: Ấp L, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương dùng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu xám-bạc-đen, biển số 61L7 – 2129, số khung 017377, số máy 5B95017377 (chìa khóa vẫn cắm sẵn trên ổ khóa) tại đầu lô cao su của gia đình ở ấp HL, xã M, huyện D rồi đi vào trong lô bôi thuốc kích thích cho cây cao su. Cùng thời điểm này, Mu S đi ngang qua lô cao su của bà T1 thì phát hiện xe mô tô của bà T1 nên nảy sinh ý định lấy trộm cắp tài sản. Mu S đến chỗ để xe, bật công tắc xe rồi điều khiển về hướng ngã tư xã M, huyện D. Bà T1 phát hiện liền truy hô và đuổi theo nhưng không kịp nên đến Công an xã M, huyện D trình báo sự việc.

Sau khi lấy được xe, Mu S điều khiển đến vừa mua ve chai do P làm chủ cầm cố với giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Khi mang xe đến, P hỏi giấy tờ xe, Mu S nói giấy tờ xe vợ cầm đánh bạc rồi. P nghĩ mới hôm qua Mu S đến cầm cố xe chưa có tiền chuộc lại, hôm nay lại có xe khác mang đến cầm cố nên P biết chắc chắn xe mô tô biển số 61L7 -2129 là xe do Mu S trộm cắp nhưng P vẫn đồng ý cầm cố xe mô tô này với giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Số tiền cầm cố xe mô tô trộm cắp được, Mu S đã mua ma túy sử dụng hết.

Bản Kết luận định giá tài sản số 100/KLĐG ngày 05/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản huyện D kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Jupiter Yamaha, màu xám-bạc-đen, biển số 61L7 – 2129, số khung 017377, số máy 5B95017377 trị giá 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra xác định, xe mô tô nhãn hiệu Jupiter Yamaha, màu xám-bạc-đen, biển số 61L7 – 2129, số khung 017377, số máy 5B95017377 do ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1985; ngụ tại: Ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương đứng tên chủ sở hữu dùm cho ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1971; ngụ tại: Ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Ông P1 sang nhượng xe cho bà Hồ Thị L1, sinh năm 1962; ngụ tại: Ấp L, xã M, huyện D nhưng chưa làm thủ tục sang tên (bà L1 là mẹ của người bị hại Nguyễn Thị Thu T1). Xác định đây là tài sản hợp pháp của bà L1, ngày 20/12/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả lại xe mô tô cho bà L1. Bà L1 và bà T1 không có yêu cầu gì.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã thu giữ xe mô tô biển số 93H6 - 3360, số khung 008518, số máy 008518 và xe biển số 53V1 – 0723, số máy 1400249, số khung: Không có. Đối với 02 xe mô tô này,

Mu S trộm cắp trên địa bàn xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã có văn bản gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, đồng thời chuyển giao 02 xe mô tô này cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bình Phước để điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản Cáo trạng số 26/KSĐT ngày 09/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo Mu S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lê Văn P về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố đối với bị cáo Mu S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Văn P về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự, đề nghị:

- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mu S từ 14 tháng đến 16 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn P từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

- Biện pháp tư pháp: Không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa, các bị cáo Mu S và Lê Văn P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử mức án nhẹ nhất.

Quá trình điều tra, người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, không ai có khiếu nại gì quá trình tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Mu S và Lê Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thể hiện khoảng 10 giờ 30 phút ngày 02/12/2016, bị cáo Mu S đi bộ ngang qua lô cao su của gia đình bà Nguyễn Thị Thu T1 tọa lạc tại ấp HL, xã M, huyện D thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu xám-bạc-đen, biển số

61L7 – 2129, số khung 017377, số máy 5B95017377, trên xe có cấm sẵn chìa khóa thì bị cáo lấy trộm. Sau khi lấy trộm được xe, bị cáo Mu S mang xe đến cửa hàng mua ve chai của bị cáo P để cầm cố lấy tiền tiêu xài. Khi bị cáo Mu S mang xe đến, bị cáo P biết tài sản đem cầm cố là tài sản do phạm tội mà có nhưng bị cáo P vẫn đồng ý cầm xe nói trên với giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Lời khai nhận của hai bị cáo Mu S và bị cáo P tại phiên tòa là phù hợp với lời khai nhận của hai bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, bản Cáo trạng số 26/KSĐT ngày 09/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo Mu S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Lê Văn P về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 250 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Đối với bị cáo Mu S*: Hành vi phạm tội của bị cáo Mu S tuy đơn giản nhưng đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại, đồng thời làm mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra tội phạm. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật thế nhưng bị cáo bất chấp hậu quả, quyết tâm thực hiện tội phạm. Bị cáo thực hiện tội phạm xuất phát từ lòng tham lam, tư lợi cá nhân, để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân và có tiền để sử dụng trái phép chất ma túy, muốn có được tài sản mà không cần phải bỏ sức lao động. Bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý và là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Tài sản bị cáo chiếm đoạt là xe mô tô nhãn hiệu Jupiter Yamaha, màu xám-bạc-đen, biển số 61L7-2129, số khung 017377, số máy 5B95017377 có trị giá 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm ngàn đồng) theo Kết luận định giá tài sản số 100/KLĐG ngày 05/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Dầu Tiếng nên bị cáo bị truy tố và xét xử theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là phù hợp pháp luật.

[4] *Đối với bị cáo Lê Văn P*: Hành vi phạm tội của bị cáo P đã xâm phạm trật tự công cộng do Nhà nước thống nhất quản lý. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật thế nhưng bị cáo bất chấp hậu quả. Bị cáo thực hiện tội phạm xuất phát từ lòng tham lam, tư lợi cá nhân, thực hiện với lỗi cố ý. Bị cáo biết tài sản do bị cáo Mu S đem cầm cố là do phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý cầm cố nhằm thu lợi bất chính. Hành vi của bị cáo đã gián tiếp xâm phạm tới quyền tài sản của người bị hại, tạo điều kiện, tiếp tay cho bọn tội phạm có nơi tiêu thụ tài sản mà chúng chiếm đoạt được và cụ thể trong vụ án này là bị cáo Mu S. Tài sản bị cáo xâm phạm có trị giá là 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm ngàn đồng) theo Kết luận định giá tài sản số 100/KLĐG ngày 05/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Dầu Tiếng nên bị cáo bị truy tố và xét xử về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[5] Xét mức độ phạm tội của các bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng rất lớn đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang

mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Để các bị cáo thấy được sự nghiêm minh của pháp luật cũng như đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu về tài sản và xâm phạm đến trật tự công cộng do Nhà nước thống nhất quản lý trên địa bàn huyện Dầu Tiếng nên cần phải xử lý thật nghiêm bằng hình phạt tù để có điều kiện giáo dục và cải tạo các bị cáo thành người công dân tốt sau này cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Xét ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo Mu S và bị cáo P về phần tội danh, điều khoản truy tố và mức hình phạt đã đề nghị áp dụng là có căn cứ, phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như:

Bị cáo Mu S phạm tội gây thiệt hại có trị giá không lớn, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú, là người dân tộc thiểu số (dân tộc Chăm) theo quy định tại điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo P phạm tội gây thiệt hại có trị giá không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và có con nhỏ theo quy định tại điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

[8] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Mu S có tiền án về tội phạm chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích và nhân thân xấu như đã từng bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương khởi tố về tội trộm cắp tài sản, lẽ ra trong thời gian cải tạo giáo dục bị cáo phải nhận biết sai trái của mình nhưng bị cáo không thấy được giá trị của sự lương thiện để cải sửa trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội mà tiếp tục dấn sâu vào con đường phạm tội. Trong vụ án này, bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Ngày 08/6/2016, bị cáo Mu S bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 214/QĐ-CSĐT và khởi tố bị can theo Quyết định số 351/QĐ-CSĐT, hiện nay chưa có kết quả giải quyết nên không tổng hợp hình phạt theo quy định.

[10] Bị cáo Mu S và bị cáo P có hành vi lấy trộm và tiêu thụ tài sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đen, biển số 93H6-3360, số khung 008518, số máy 008518 tại lô cao su 1-2009 thuộc ấp 3A, xã M, huyện C xảy ra vào khoảng giữa tháng 11/2016 và 01 xe mô tô hiệu Dream, màu đỏ, biển số 53V1-0723, số máy 1400249 tại lô cao su 02-2009 thuộc ấp 3A, xã M, huyện C, tỉnh Bình

Phước xảy ra ngày 01/12/2016. Ngày 22/02/2017, bị cáo Mu S đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bình Phước khởi tố theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 22 và Quyết định khởi tố bị can số 41 về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 20/4/2017, bị cáo P bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bình Phước khởi tố về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 43 và Quyết định khởi tố bị can số 69. Hiện nay chưa có kết quả giải quyết nên không tổng hợp hình phạt theo quy định.

[11] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Tài sản các bị cáo có hành vi chiếm đoạt đã được thu hồi trao trả cho chủ sở hữu xong. Quá trình điều tra, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí: Các bị cáo Mu S và Lê Văn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về hình phạt: Tuyên bố bị cáo Mu S (tên gọi khác là B) phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Lê Văn P (tên gọi khác là R) phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Mu S 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/12/2016 đến ngày 05/12/2016.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Lê Văn P 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

3. Biện pháp tư pháp: Không đặt ra.

4. Án phí: Áp dụng các Điều 98, 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bị cáo Mu S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm;

- Bị cáo Lê Văn P phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 20/7/2017).

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc khi bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- CC THADS huyện D;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Minh Đồng**